

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đào Duy Mạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 1030/2023/TLST-VHNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc: “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 08/2023/QĐ - MPH ngày 20 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Hồ Thị D, sinh năm 1978 và ông Trương Văn C, sinh năm 1973. Cùng cư trú tại: Số 14 đường TT, ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã C1, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D, ông C và UBND xã C1 đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 30 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu trình bày ý kiến:

Bà Hồ Thị D, sinh ngày 05/02/1978 theo giấy “Sơ yếu lý lịch tạm thay thế khai sinh” được UBND xã C1, huyện TN, tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 05/6/1990.

Gia đình bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C có mối quan hệ thân thiết nên đã hứa hôn giữa bà D và ông C. Vào thời điểm đăng ký kết hôn (05/01/1993), bà D mới được 14 tuổi 11 tháng nhưng do không hiểu biết về pháp luật và để đủ điều kiện đăng ký kết hôn nên bà D và ông C đã kê khai

ngày, tháng, năm sinh của bà Hồ Thị D là 05/02/1974. Do bà D khai tăng tuổi so với tuổi thật và đủ các điều kiện kết hôn khác nên UBND xã C1, huyện TN (Nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai đã cấp Chứng nhận kết hôn số: 01/CNKH, quyển số: 01/93 vào ngày 05/01/1993 cho bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C.

Ngày 01/01/1995, (khoảng 02 năm sau ngày đăng ký kết hôn) bà D và ông C mới tổ chức đám cưới và chính thức dọn về sống chung vợ chồng với nhau. Đến ngày 10/08/1995, bà Hồ Thị D sinh con đầu là Trương Thị H theo giấy khai sinh số 366, quyển số 01/95 do UBND xã C1, huyện TN (Nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/09/1995.

Bà D và ông C chung sống vợ chồng có 04 người con chung là Trương Thị H, sinh ngày 10/08/1995, Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 30/08/1999, Trương Thị Tuyết T, sinh ngày 20/11/2001 và Trương Nhật K, sinh ngày 14/08/2006.

Những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C yêu cầu tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà D và ông C theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01/CNKH, quyển số: 01/93 ngày 05/01/1993 do UBND xã C1, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai cấp.

Về con chung: Bà D và ông C thỏa thuận thống nhất giao cho bà Hồ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Nhật K, sinh ngày 14/08/2006. Đối với các con chung là Trương Thị H, sinh ngày 10/08/1995, Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 30/08/1999 và Trương Thị Tuyết T, sinh ngày 20/11/2001 đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những vấn đề nêu trên: Việc UBND xã C1 đăng ký kết hôn khi bà Hồ Thị D chưa đủ tuổi là trái với quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Để thực hiện việc đăng ký kết hôn lại theo đúng các giấy tờ nhân thân của bà D (Căn cước công dân, sơ yếu lý lịch tạm thay thế khai sinh) và làm các thủ tục khác liên quan đến đất đai nên bà D và ông C thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nhận định:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C cùng cư trú tại số 14 đường TT, ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai yêu cầu Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái

pháp luật giữ bà D và ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 3 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình thì bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C có quyền yêu cầu và yêu cầu của bà D, ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên họp, bà Hồ Thị D, ông Trương Văn C và UBND xã C1 đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ngày 05/01/1993, UBND xã C1, huyện TN, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp chứng nhận kết hôn số: 01/CNKH, quyển số: 01/93 cho bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C.

Kết quả xác minh ngày 20/11/2023 tại Ủy ban nhân dân xã C1, huyện TB, tỉnh Đồng Nai thể hiện: *“Qua kiểm tra sổ bộ lưu tại UBND xã C1, huyện TB, tỉnh Đồng Nai kết quả như sau: Ngày 05/01/1993, UBND xã C1, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai có đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01/CNKH, quyển số: 01/93 giữa ông Trương Văn C, sinh năm 1973 và bà Hồ Thị D, sinh năm 1974”*.

Theo “Sơ yếu lý lịch tạm thay thế khai sinh” được UBND xã C1, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 05/6/1990 thể hiện thông tin bà Hồ Thị D sinh ngày 05/02/1978.

Như vậy vào thời điểm ngày 05/01/1993, UBND xã C1, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai đăng ký kết hôn cho ông Trương Văn C và bà Hồ Thị D thì bà Hồ Thị D mới được 14 tuổi 11 tháng (chưa đủ 18 tuổi). Đối chiếu với quy định tại Điều 5, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 thì việc kết hôn giữa ông Trương Văn C và bà Hồ Thị D là trái pháp luật.

Tại đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự ông Trương Văn C và bà Hồ Thị D cùng thống nhất yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Căn cứ Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp quy định về xử lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật như sau:

“...

b) *Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”*.

Do đó, yêu cầu của bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C về việc tuyên hủy

việc kết hôn trái pháp luật giữa bà D và ông C được UBND xã C1, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp chứng nhận kết hôn số: 01/CNKH, quyền số: 01/93 ngày 05/01/1993 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 3, khoản 3 Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C có 04 người con chung là Trương Thị H, sinh ngày 10/08/1995, Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 30/08/1999, Trương Thị Tuyết T, sinh ngày 20/11/2001 và Trương Nhật K, sinh ngày 14/08/2006. Khi hủy việc kết hôn, bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C thỏa thuận thống nhất giao cho bà Hồ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Nhật K, sinh ngày 14/08/2006, phù hợp với nguyện vọng của cháu K theo quy định tại các Điều 12, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[1.3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[1.4] Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C về việc tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà D, ông C; Giao cho bà Hồ Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Nhật K, sinh ngày 14/08/2006; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không cần phải đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà D và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 3 Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 2, Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C về việc “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”.

1.1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Hồ Thị D và ông Trương Văn C được UBND xã C1, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp chứng nhận kết hôn số: 01/CNKH, quyển số: 01/93 ngày 05/01/1993.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Hồ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Nhật K, sinh ngày 14/08/2006.

Tạm thời, bà Hồ Thị D không yêu cầu ông Trương Văn C phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho bà D nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông Trương Văn C.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007686 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Hồ Thị D và ông Trương Văn C đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Bà Hồ Thị D, ông Trương Văn C và Ủy ban nhân dân xã C1, huyện TB, tỉnh Đồng Nai được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom có quyền kháng nghị quyết định này trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu Hs, CQ.

Đào Duy Mạnh

